TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2022/HN&GĐ-ST
Ngày 30/8/2022
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Tự Sinh
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Liễu
Ông Nguyễn Phi Hùng

- *Thư ký phiên toà*: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Hùng – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2021/TLST - HNGĐ ngày 13.07.2021, về việc *"*ly hôn*"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01.04.2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST – HNGĐ ngày 18.05.2022 , giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ái L**, sinh năm: 1983; Cư trú tại: số 292/24 Trần CV, quận TK, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* **Ông Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1968; Cư trú tại: 2505W, 31ST St S Apt D Wichita Ks 67217, USA. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái L trình bày:

***** Về quan hệ hôn nhân:

Tôi và ông Nguyễn Văn M, đã có tìm hiểu và yêu thương nhau. Ngày 23/ 05/2019 chúng tôi đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận TK, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn xong chung, chúng tôi sống ở khách sạn Quốc Thiện. Địa chỉ: 50 đường Tôn Thất

Đạm, quận TK, Đà Nẵng. Ngày 30/05/2019 ông Nguyễn Văn M về M. Từ tháng 10 năm2020, chúng tôi không còn liên lạc với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là chúng tôi không hòa hợp nhau và không tin tưởng nhau.Nay Tôi xác định giữa tôi với ông M không còn tình cảm với nhau. Vì vậy, Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

*Về con chung: Giữa bà và ông M không có con chung.

*Về tài sản chung và nợ chung: Giữa bà và ông M không có tài sản chung, nợ chung.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ lập hồ sơ ủy thác tư pháp ra nước ngoài, bằng phương thức ngoại giao đề nghị công ty ABC Legal thực hiện yêu cầu ủy thác của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, để tống đạt văn bản tố tụng là Thông báo về việc thụ lý vụ án và số: 38/TB-TLVA ngày 13/7/2021 và Giấy triệu tập số 38 A/GTT-TA ngày 22/11/2021 đối với bị dơn ông Nguyễn Văn M; Về thu thập chứng cứ , Tòa án đề nghị Văn phòng tương trợ tư pháp quốc tế thuộc Vụ dân sự, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ thực hiện yêu cầu thu thập chứng cứ lấy lời khai đối với bị đơn Nguyễn Văn M.

Đến thời điểm ngày 24/6/2022, Tòa án đã nhận công văn số: 1554/BTP-PLQT ngày 10/6/2022 về kết quả ủy thác tư pháp.Theo đó, tại công văn đã thể hiện nội dung là Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã thực hiện ủy thác tư pháp về bằng phương thức tống đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự. Tuy nhiên, Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ái L đối với ông Nguyễn Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Bà Nguyễn Thị Ái L có yêu cầu khởi kiện Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết về việc ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1968, địa chỉ: 2505W, 31ST St S Apt D Wichita Ks 67217, USA.

Ông Nguyễn Văn M là công dân của Hoa Kỳ và hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 28, Điều 38, Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp hôn nhân gia đình nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng cho bị đơn ông Nguyễn Văn M, theo phương thức được quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, để tham gia phiên họp, phiên tòa. Tuy nhiên, ông M đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị Ái L. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ái L và ông Nguyễn Văn M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận TK, thành phố Đà Nẵng ngày 23/05/2019, theo giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 23/5/2019. Việc kết hôn giữa bà Nguyễn Thị Ái L và ông Nguyễn Văn M là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối và không trái với quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ái L và ông Nguyễn Văn M được pháp luật công nhận là hợp pháp.

[4] Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Ái L như sau: Sau khi kết hôn, giữa bà Nguyễn Thị Ái L và ông Nguyễn Văn M chỉ sống chung thời gian ngắn tại khách sạn Quốc Thiện. Mâu thuẫn giữa bà L và ông M là không hòa hợp nhau về tính cách, suy nghĩ và quan điểm sống. Sau khi kết hôn, ông M trở về Hoa Kỳ và không liên lạc với bà L. Do đó, cả hai không có sự quan tâm chia sẽ nhau trong đời sống vợ chồng từ đó tình cảm phai nhạt.

Hơn nữa, tại phiên tòa hôm nay, HĐXX không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông M đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.Như vậy, HĐXX xét thấy hôn nhân giữa bà L và ông M chỉ tồn tại về mặt pháp lý, thực tế vợ chồng không chung sống với nhau. Vây, tình trạng hôn nhân của bà L và ông M đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. HĐXX cần chấp nhận yêu cầu về ly hôn của bà Nguyễn Thị M L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia dình, cho bà Nguyễn Thị M L được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ái L và ông Nguyễn Văn M không có con chung.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ái L khai nhận không có, và ông Nguyễn Văn M không có ý kiến phản hồi về con chung, tài sản chung,nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí:

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Bà Nguyễn Thị Ái L phải chịu là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Ái L phải chịu 200.000 lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài về tống đạt và 200.000 đồng lệ phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài về thu thập chứng cứ lấy lời khai theo quy định của pháp luật.

[9] Về chi phí tố tụng:

+ Về chi phí thực hiện việc ủy thác ra nước ngoài: Bà Nguyễn Thị Ái L phải chịu 95 USD (tương ứng với số tiền 2.167.900 Việt Nam đồng). Ngày 04/11/2022, bà L đã nộp số tiền 95 USD cho Công ty ABC Legal services, bằng hình thức chuyển khoản.

+ Về chi phí thực hiện việc ủy thác ra nước ngoài về thu thập chứng cứ lấy lời khai của ông Nguyễn Văn M, bà L phải chịu theo quy định pháp luật.

- Về chi phí dịch thuật, chứng thực hồ sơ ủy thác tư pháp: Nguyễn Thị Thu Vân phải chịu là 1.050.000 đồng (Bà Vân đã nộp và chi xong)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 38, Điều 470; Điều 479 Bộ luật Tố Tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 56, Điều 122, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Điều 149, Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 5 Điều 27, Điều 37, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị Ái L đối với ông Nguyễn Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ái L được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Ái L xác định không có

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ái L xác định không có.Ông Nguyễn Văn M không có ý kiến phản hồi về con chung, tài sản chung, nợ chung nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ái L phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà bà L đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002921 ngày 14/7/2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Ái L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5.Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Ái L phải chịu 200.000 lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài về tống đạt và 200.000 đồng lệ phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài về thu thập chứng cứ lấy lời khai theo quy định của pháp luật; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà bà L đã nộp là 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004787 ngày 03/11/2021, số tiền 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004788 ngày 03/11/2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Ái L đã nộp đủ tiền án lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6.Về chi phi tố tụng:

- Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về tống đạt: Bà L phải chịu số tiền 95 USD, tương ứng với số tiền 2.167.900 VND, bà L đã nộp tại Ngân hàng Nông nghiệp phát triển và nông thôn Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng; Ngân hàng đã thanh toán chi phí bằng hình thức chuyển khoản cho công ty ABC Legal Service. Vậy bà L đã nộp xong chi phí thực hiện ủy thác cho công ty ABC Legal Service.

- Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về thu thập chứng cư lấy lời khai: Hiện Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng chưa nhận được thông báo về thanh toán chi phí ủy thác ra nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền Hoa Kỳ. Vậy tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng mà bà L đã nộp, theo Biên lai thu số 0004789 ngày 03/11/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, chờ Thông báo của cơ quan có thẩm quyền Hoa Kỳ sẽ xử lý sau.

- Về chi phí dịch thuật, chứng thực hồ sơ ủy thác tư pháp: Nguyễn Thị Thu Vân phải chịu là 1.050.000 đồng (Bà Vân đã nộp và chi xong)

7. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ái L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự Tp Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân quận TK;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Tự Sinh